TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/KDTM-ST
Ngày: 04/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thành Viên
Ông Phan Minh Thanh
- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/KTST ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2024/QĐXX- DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 626/2024/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần thương mại K
Trụ sở: Số 92G-92H N, Phường 22, quận BT, Thành phố H .
Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn D, sinh năm 1989 – chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền : Ông Cái Nhật T, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tầng 7- K Center, số 92G-92H N, Phường 22, quận BT, Thành phố H (Có mặt) .

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư S
Trụ sở: Số 102/104 LV, Phường 11, quận GV, Thành phố H.
Người đại diện thep pháp luật của Công ty: Ông Phạm Văn G – chức vụ: Giám đốc công ty
Hộ khẩu thường trú: Số 30/17A đường TB, KP22, Phường H, Thành phố TĐ, Thành phố H.
Nơi cư trú : Căn hộ B1.22.XX chung cư O số 10 V, KP Bình Đường 2, phường AB, Thành phố D, tỉnh BD (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2023, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án Ông Cái Nhật T - Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thương mại K, trình bày:

Ngày 31/03/2022 giữa Công ty cổ phần thương mại K (Sau đây gọi tắt là Công ty K, nguyên đơn) và Công ty cổ phần đầu tư S (Sau đây gọi là Công ty S, bị đơn) có ký hợp đồng nguyên tắc số KV-GT-HĐNT/22-ĐL-21 ("Hợp đồng số 22"). Theo đỏ, Công ty K có trách nhiệm cung cấp các sản phẩm sơn, chất chống thấm, bột trét cho Công ty S.

Việc giao nhận hàng hóa sẽ được thực hiện theo yêu cầu Công ty S. Thực hiện nội dung yêu cầu trên, Công ty K đã giao đầy đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty S với tổng giá trị là hàng hóa là: 139.908.970 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*). Ngày 03/01/2023, hai bên có lập biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ, theo đó Công ty S xác nhận còn nợ Công ty K số tiền là 134.364.066 đồng .

Ngày 02/06/2023, Công ty S gửi biên bản xác nhận thanh toán số tiền 134.364.066 đồng cho Công ty K, tuy nhiên đến nay Công ty S vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán .

Theo quy định tại Phụ lục hợp đồng số PL02/KV-GT-HĐNT/22-ĐL-21 ngày 31/03/2022 (tài liệu số 02) thì Công ty S phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty K trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, đến nay Công ty S vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty K, đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết.

Vì vậy, Công ty cổ phần thương mại K yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết :

-Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S phải thanh toán tiền hàng với số tiền nợ gốc là 134.364.066 đồng.

-Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán thêm số tiền lãi chậm trả từ ngày 03/01/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với số tiền (tạm tính) là 8.957.604 đồng (lãi suất 10%/năm).

Tổng cộng số tiền yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán (tạm tính) là: 143.321.670 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*).

-Ngày 12/10/2023, đại diện nguyên đơn có bản tự khai yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K tổng cộng số tiền (tạm tính) là: 143.321.670 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*).

-Ngày 20/11/2024, đại diện nguyên đơn có ý kiến yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền nợ gốc là nợ gốc là 134.364.066 đồng.

- Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán thêm số tiền lãi chậm trả từ ngày 03/01/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (*tạm tính đến ngày 27/11/2024*) với số tiền là 20.438.063 đồng theo lãi suất chậm trả là 8%/ năm. Tổng số tiền là 154.802.129 đồng .

-Ngày 05/12/2023, Tòa án tiến hành xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H về tình trạng pháp lý hiện nay của Công ty cổ phần đầu tư S và

ngày 27/12/2023, Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H cho biết: " Công ty cổ phần đầu tư S đến nay chưa giải thể . Công ty thay đổi lần thứ 3 ngày 21/12/2023".

- Ngày 22/01/2024, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H về việc hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư S và ngày 23/02/2024, Ủy ban nhân dân quận GV, Thành phố H cho biêt : Qua kiểm tra thực tế ngày 05/02/2024 ghi nhận tại địa chỉ 102/104 LV, phường 11, quận GV, Thành phố H đang treo bảng hiệu Công ty TNHH SX-TM-DV T.H. Công ty này hiện đóng cửa không liên hệ được với người đại diện nên không rõ Công ty cổ phần đầu tư S đã chuyển đi đâu .

Ngày 11/3/2024 Tòa án ra quyết định yêu cầu đại diện nguyên đơn cung cấp chứng cứ trụ sở hoạt động mới hiện nay của Công ty cổ phần đầu tư S. Ngày 25/3/2024, đại diện nguyên đơn cho biết hiện nay phía nguyên đơn không biết địa chỉ trụ sở mới của Công ty cổ phần đầu tư S ở đâu vì khi Công ty cổ phần đầu tư S chuyển trụ sở cũng không thông báo cho nguyên đơn biết do đó đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và niêm yết giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành mời bị đơn đến Tòa án để làm bản tự khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án mặc dù Tòa án đã tống đạt và niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

- Ngày 10/6/2024, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp mở phiên tòa lần thứ nhất tuy nhiên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ nơi cư trú đối với đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S để tiến hành thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, Tòa án ra quyết định cung cấp chứng cứ số 938/2024/QĐ-CCTLCC xác minh nơi cư trú Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985 là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S tại Công an phường H, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh và trả lời của Công an phường Hiệp Bình Chánh được biết: " Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985, có hộ khẩu thường trú tại 30/17A đường TB, KP 22, phường H, Thành phố TĐ nhưng không cư trú tại nơi thường trú và hiện cư trú tại căn hộ B1.22.XX chung cư O số 10 V, KP Bình Đường 2, phường AB, Thành phố D, tỉnh BD."

Ngày 05/7/2024, Tòa án ra quyết định cung cấp chứng cứ số 1134/2024/QĐ-CCTLCC xác minh nơi cư trú Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985 là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S tại Công an phường AB, Thành phố D, tỉnh BD và trả lời của Công an phường An Bình được biết: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985, hiện nay có cư trú tại căn hộ B1.22.XX chung cư O số 10 V, KP Bình Đường 2, phường AB, Thành phố D, tỉnh BD.

Ngày 15/7/2024, Tòa án mở phiên Tòa và Hội đồng ra quyết định tạm đình chỉ vụ án chờ xác minh nơi cư trú Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985 là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S tại Công an phường AB, Thành phố D, tỉnh BD

Ngày 13/8/2024, Tòa án mở phiên Tòa và Hội đồng ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án vì ngày 13/8/2024, Công an phường AB, Thành phố D, tỉnh BD đã trả kết quả xác minh nơi cư trú Ông Phạm Văn G, sinh năm 1985 là đại diện

theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S tại Công an phường AB, Thành phố D, tỉnh BD

Tòa án đã tiến hành mời đại diện theo pháp luật của bị đơn đến Tòa án để làm bản tự khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án mặc dù Tòa án đã tống đạt và niêm yết cho đại diện theo pháp luật của bị đơn đúng theo quy định của pháp luật, vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu:

- Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền nợ gốc là nợ gốc là 134.364.066 đồng.

- Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán thêm số tiền lãi chậm trả từ ngày 03/01/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (*tạm tính đến ngày 27/11/2024*) với số tiền là 20.438.063 đồng theo lãi suất chạm trả là 8%/ năm. Tổng số tiền Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K là 154.802.129 đồng(*Một trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm lẻ hai nghìn một trăm hai mươi chín đồng.*

- Bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn Ông Phạm Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại K khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần đầu tư S về yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư S có trụ sở chính tại: 102/104 LV, phường 11, quận GV, Thành phố H. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.*Về thủ tục tố tụng* :

Bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn Ông Phạm Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và đại diện bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Đối với nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 134.364.066 đồng:

- Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số KV-GT-HĐNT/22-ĐL-21 ngày 31/3/2022 giữa Công ty cổ phần thương mại K và Công ty cổ phần đầu tư S theo đó Công ty K có trách nhiệm cung cấp các sản phẩm sơn, chất chống thấm, bột trét và việc giao nhận hàng hóa sẽ được thực hiện theo yêu cầu Công ty S. Công ty K đã giao đầy đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty S với tổng giá trị là hàng hóa là: 139.908.970 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán giữa 2 công ty là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 3 Luật thương mại 2005 và Điều 430 Bộ Luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ bản đối chiếu và bù trừ công nợ ngày 03/01/2023, thì Công ty S đã xác nhận còn nợ Công ty K số tiền là 134.364.066 đồng. Theo Điều 50 Luật thương mại năm 2005 thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng còn thiếu.

- Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, mức tiền quy định trong hợp đồng, xét thấy tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư S trả cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 134.364.066 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần đầu tư S trả cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán là 134.364.066 đồng(*Một trăm ba tư triệu ba trăm sáu tư ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng*).

3.2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 27/11/2024*) là 20.438.063 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Yêu cầu của nguyên đơn tính lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 134.364.066 đồng theo lãi suất 8,0%/ năm tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 27/11/2024 với số tiền 20.438.063 đồng. Việc hai Công ty ký hợp đồng nguyên tắc nhưng không có quy định về việc trả lãi khi chậm thanh toán. Bên bị đơn đã vi phạm việc thanh toán với nguyên đơn kể từ ngày hai bên đối chiếu công nợ là ngày 03/01/2023. Do đó bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn kể từ ngày 03/01/2023. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

dân sự năm 2015 thì trường hợp không rõ về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lại quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/ năm. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 8%/ năm là thấp hơn so với lãi suất trung bình mà Tòa án đã tham chiếu tại 03 ngân hàng như Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 11,65%/năm của ngày 20/10/2023 nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc buộc Công ty cổ phần đầu tư S phải trả cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền lãi tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/11/2024 là 20.438.063 đồng(*Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn không trăm sáu mươi ba đồng*).

Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu chưa thanh toán và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/11/2024 tổng cộng là 154.802.129 đồng (*Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm lẻ hai ngàn một trăm hai mươi chín đồng)*.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn đã lâu gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3.3 .Đối với việc yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 134.364.066 đồng kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bị đơn thanh toán hết cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng về lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn bên bị vi phạm trả tiền lãi do chậm thanh toán và do việc hợp đồng nguyên tắc ngày 31/3/2022 các bên đã ký không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán và nguyên đơn mới chỉ yêu cầu tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm do đó bị đơn tiếp tục trả lãi chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bị đơn thanh toán xong tiền gốc cho nguyên đơn theo lãi suất 8%/ năm, vì vậy Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần đầu tư S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc tiếp tục từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán xong số tiền gốc cho Công ty cổ phần thương mại K theo mức lãi suất 8%/ năm .

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm :

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.583.042 đồng *(Ba triệu năm trăm tám ba*

ngàn không trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai tạm nộp án phí số 0012333 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 154.802.129 đồng (*Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm lẻ hai ngàn một trăm hai mươi chín đồng)*. Do đó bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.740.107 đồng *(Bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ bảy đồng).*

5.Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 3; Điều 50; 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án ;

- Căn cứ Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng về lãi suất .

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty cổ phần đầu tư S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán là 134.364.066 đồng(*Một trăm ba tư triệu ba trăm sáu tư ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng*) và số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 03/01/2023 đến ngày 27/11/2024 là 20.438.063 đồng(*Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn không trăm sáu mươi ba đồng*). Tổng số tiền Công ty cổ phần đầu tư S phải thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại K là 154.802.129 đồng (*Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm lẻ hai ngàn một trăm hai mươi chín đồng)*: Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Công ty cổ phần thương mại K có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần đầu tư S không thanh toán tiền trên cho Công ty cổ phần thương mại K thì Công ty cổ phần đầu tư S thanh toán tiền lãi phát sinh chậm trả cho Công ty cổ phần thương mại K cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đối với số tiền gốc chậm thanh toán là 134.364.066 đồng theo mức lãi suất 8%/ năm.

2. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần đầu tư S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.740.107 đồng *(Bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ bảy đồng).*

- Hoàn lại cho Công ty cổ phần thương mại K số tiền 3.583.042 đồng *(Ba triệu năm trăm tám ba ngàn không trăm bốn mươi hai đồng)* theo biên lai tạm nộp án phí số 0012333 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. .

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niệm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND và TATP HCM
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đánh dấu